

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

*

ĐỀ ÁN
đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng
Giáo dục toàn diện - Nguồn nhân lực - Khoa học công nghệ
tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020 - 2025

Lào Cai, tháng 12 năm 2020

ĐỀ ÁN

đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng Giáo dục toàn diện - Nguồn nhân lực - Khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Một số kết quả nổi bật

1.1. Giáo dục và đào tạo

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo đạt được nhiều kết quả quan trọng; nhiều chỉ tiêu đạt cao so với các tỉnh trong khu vực...; phổ cập giáo dục tiếp tục được duy trì và nâng cao chất lượng toàn diện; tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi ra lớp đạt 99,8%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học lên lớp 6 đạt trên 98,5%; tỷ lệ học sinh lên THPT, THCN, học nghề tăng, đạt 80%. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học đạt kết quả vượt bậc, học sinh đạt nhiều giải cao quốc gia, quốc tế. 100% giáo viên đạt chuẩn trở lên (trên chuẩn: MN 79,4%, TH 88,3%, THCS 81%, THPT 16,9%). Tỷ lệ đảng viên đạt 46,7%.

- Mạng lưới trường, lớp được sắp xếp cơ bản phù hợp với quy hoạch, theo hướng tinh gọn đầu mối, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục. Cơ sở vật chất trường, lớp học được ưu tiên đầu tư. Trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 62,5%, vượt 8,5% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Giáo dục vùng cao được tập trung chỉ đạo toàn diện; các trường nội trú cấp huyện có cấp THPT, hệ thống trường phổ thông dân tộc (PTDT) nội trú, bán trú trở thành nòng cốt của giáo dục vùng cao. Giáo dục thường xuyên (GDTX) được mở rộng quy mô, đa dạng hóa loại hình đào tạo, đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập. Xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài được đẩy mạnh và có hiệu quả. Hoàn thành việc sáp nhập Trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai vào Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai.

1.2. Nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực tăng nhanh về số lượng, đa dạng cơ cấu, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) được mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng theo hướng xã hội hóa. Sắp xếp, kiện toàn trung tâm GDNN và trung tâm GDTX cấp huyện; sáp nhập các trường Cao đẳng Cộng đồng, Trung học Y tế vào Trường Cao đẳng Lào Cai. Chú trọng nâng cao chất lượng GDNN, trong đó ưu tiên đào tạo cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo...; tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 55% (năm 2015) lên 65% (năm 2020), trong đó, đào tạo nghề tăng từ 43,1% lên 56,89%; cơ

cầu lao động chuyển dịch mạnh từ khu vực nông nghiệp nông thôn sang thương mại, dịch vụ, công nghiệp.

1.3. Khoa học và Công nghệ: Hoạt động khoa học và công nghệ được đẩy mạnh gắn nghiên cứu với ứng dụng. Trên 80% đề tài khoa học được triển khai áp dụng vào thực tế, trong đó đã nghiên cứu, lựa chọn thành công nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao. Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa được quan tâm. Hợp tác về khoa học và công nghệ với các trường đại học và các viện nghiên cứu được đẩy mạnh; ứng dụng khoa học kỹ thuật được tập trung vào sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản, khoáng sản. Tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất và đời sống, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có thương hiệu, chất lượng quốc gia.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế, khó khăn

- Điều kiện tổ chức các hoạt động giáo dục vùng cao còn nhiều khó khăn; còn thiếu giáo viên mầm non, tiểu học, tiếng Anh, Tin học và giáo viên có chất lượng cao. Ở một số xã vùng cao, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT, GDTX, học nghề còn thấp; chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên nhưng chưa thực sự vững chắc. Cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị dạy học, nhất là ở vùng cao còn khó khăn; thiếu phòng học bộ môn, diện tích đất của nhiều trường còn chật hẹp.

- Quy mô, ngành nghề, chất lượng đào tạo ở một số lĩnh vực chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Đặc biệt đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế (như nhân lực cho ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch,...); chưa thu hút được nhân lực chất lượng cao, thiếu công nhân lành nghề và chuyên gia giỏi.

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) hàng năm còn ít chưa bao trùm hết định hướng nghiên cứu của tỉnh. Đề xuất đặt hàng nghiên cứu gắn với địa chỉ ứng dụng thực tiễn chưa nhiều, một số đề xuất chưa đáp ứng tiêu chí của nhiệm vụ KH&CN; chưa có nhiều nhiệm vụ KH&CN có quy mô đủ lớn để tạo ra sản phẩm mang tính hàng hóa. Vì vậy, hoạt động KH&CN chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Đặc thù giáo dục vùng cao còn rất nhiều điểm trường (1.435 điểm trường MN, TH, tỷ lệ học sinh chiếm 23,5%). Nguồn lực đầu tư cho giáo dục mặc dù đã được quan tâm nhưng mới đáp ứng được nhu cầu cơ bản, một số trường học ở vùng cao mới đạt mức tối thiểu; xã hội hóa giáo dục vùng cao, đặc biệt huy động kinh phí còn hạn chế.

- Chính sách thu hút nhân tài chưa đủ mạnh, triển khai chính sách chưa được chú trọng. Cơ chế, chính sách còn một số bất cập, nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ còn thấp.

3. Sự cần thiết xây dựng đề án

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Kế thừa các đề án đổi mới, phát triển giáo dục giai đoạn trước.
- Tiếp tục đổi mới giáo dục và đào tạo giai đoạn 2020-2025, trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chú trọng đào tạo nghề, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH).
- Thực trạng KH&CN hiện nay đóng góp vào phát triển KT-XH của tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu; phát triển và ứng dụng KH&CN là một trong những động lực quan trọng để phát triển KT-XH của tỉnh.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

1.1. Giáo dục- đào tạo: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực chất; duy trì vững chắc, chất lượng, hiệu quả phổ cập giáo dục; đẩy mạnh phân luồng học sinh; phát triển giáo dục dân tộc, chuẩn hóa giáo dục vùng cao; tạo đột phá về ứng dụng CNTT và giáo dục STEM; nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ - hội nhập quốc tế; xây dựng trường chuẩn quốc gia; phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; phấn đấu đến năm 2025, giáo dục vùng cao Lào Cai là một trong các tỉnh đứng top đầu cả nước; tin học - ngoại ngữ đạt mức trung bình cả nước, đến năm 2030 đứng top đầu khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc.

1.2. Nâng cao chất lượng nhân lực: Xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh và đất nước. Khai thác các tiềm năng, thế mạnh nguồn nhân lực nhằm phục vụ phát triển KT-XH, an ninh quốc phòng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và xóa đói, giảm nghèo bền vững. Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ, nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, du lịch, dịch vụ thương mại và trong nội bộ từng ngành. Phấn đấu đến năm 2025, Trường Cao đẳng Lào Cai được công nhận là trường cao đẳng chất lượng cao.

1.3. Khoa học và Công nghệ: Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ trực tiếp, hiệu quả cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, chú trọng ứng dụng, chuyển giao công nghệ là chính để phục vụ phát triển các lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; tập trung vào ứng dụng trong các lĩnh vực: Nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, công nghiệp, giáo dục, y tế...; hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức và quản lý nhà nước về KH&CN, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giáo dục và đào tạo

- Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ ở 100% xã, phường, thị trấn. Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi ra lớp đạt từ 99,8% trở lên; trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,9% trở lên, trẻ từ 6-14 tuổi đạt 99,8% trở lên; có ít nhất 70% học sinh tốt nghiệp THCS học lên THPT và GDTX (trong đó, từ 10-15% học GDTX và học nghề), số còn lại đi học THCN, học nghề và tham gia lao động; 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục phổ thông và tương đương; 72% trường học đạt chuẩn quốc gia; 12% trường chất lượng cao, 01 cơ sở giáo dục quốc tế.

- 100% học sinh từ lớp 3 trở lên được học Tin học, Ngoại ngữ; trên 90% giáo viên ngoại ngữ được bồi dưỡng đạt chuẩn yêu cầu cấp học; 100% các cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý điều hành, dạy và học; tổ chức dạy học trực tuyến; triển khai giáo dục STEM tại 100% trường phổ thông; xây dựng mô hình giáo dục STEM tại 20 trường phổ thông (trong đó, có 09 trường PTĐN nội trú).

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đảm bảo chất lượng; 100% cán bộ quản lý và trên 90% giáo viên các cơ sở giáo dục có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên (trong đó: MN có trên 95%, TH có trên 85%, THCS có trên 96% và THPT, GDTX, GDNN có 100%) theo quy định tại Luật Giáo dục ngày 14/6/2019.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đến năm 2025: 95% trường MN, TH, THCS, 100% trường THPT có phòng học kiên cố và bán kiên cố; 100% trường TH, THCS và THPT có đủ phòng học bộ môn, 100% các cơ sở giáo dục có đủ thiết bị dạy học tối thiểu, các cơ sở giáo dục mầm non có đủ đồ dùng, đồ chơi; 100% cơ sở giáo dục có đủ thiết bị dạy tin học, ngoại ngữ.

2.2. Giáo dục nghề nghiệp; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Giai đoạn 2021-2025: Tập trung đào tạo mới, đào tạo nâng cao cho khoảng 58.000 lao động; trong đó tập trung đào tạo các ngành nghề yêu cầu trình độ cao, kỹ thuật công nghệ cao (cao đẳng: 6.450 người; trung cấp: 16.570 người; sơ cấp và đào tạo thường xuyên: 34.980 người). Tỷ lệ nhân lực trong các ngành đến năm 2025: lĩnh vực nông, lâm ngư nghiệp chiếm khoảng 55,3%; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 18,67%; lĩnh vực du lịch - dịch vụ chiếm khoảng 26,03%. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo chung đến năm 2025 đạt trên 70%, trong đó tỷ lệ lao động có văn bằng, chứng chỉ đạt trên 32%.

- Xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ phát triển KT-XH và hội nhập quốc tế; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh, những ngành nghề thiếu nhân lực; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số; đào tạo gắn với sử dụng lao động, tiết kiệm, hiệu quả cao. Giai đoạn 2020-2025 tập trung đào tạo khoảng 2.000 người: Tiến sĩ: 50 (ngành giáo dục 17; Y tế 03; CD nghề 10; các Sở, ngành: 03; các huyện 04; trường Quốc tế 03; Phân hiệu ĐH 10), Thạc sĩ: 660 (ngành GD 400), Chuyên khoa: 200; tuyển chọn người xuất sắc đi học đại học: 350; học nghề: 740), trong

đó: khu vực công: 1.150 người (TS: 50; CKII: 60; ThS: 510; CKI: 150; ĐH: 360; Nghề: 60); khu vực tư: 850 người (Th sỹ: 10, ĐH: 110, Nghề: 730).

2.3. Khoa học - Công nghệ

- Thực hiện 105 đề tài, dự án, trong đó: 50 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp tỉnh; 50 dự án thuộc chính sách khuyến khích ứng dụng tiên bộ KH&CN; 05 dự án thuộc chương trình nông thôn miền núi.

- Hình thành 02 cơ sở ươm tạo công nghệ, 05 doanh nghiệp KH&CN; xây dựng sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến; đầu tư và xây dựng trại thực nghiệm vùng cao tại Sa Pa. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ cho 10 sản phẩm; hỗ trợ khai thác, phát triển và thương mại hóa 03 tài sản trí tuệ.

- Thành lập trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh; đánh giá trình độ công nghệ 50 doanh nghiệp và hỗ trợ về công nghệ cho 10 doanh nghiệp.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

1.1. Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường, lớp; phát triển quy mô giáo dục hợp lý

Xây dựng và triển khai quy hoạch mạng lưới trường, lớp; cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tích hợp trong quy hoạch tỉnh Lào Cai) gắn với quy hoạch phát triển KT-XH của tỉnh; khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

a) *Giáo dục mầm non*: Đến năm 2025, có 195 trường mầm non (15 trường MN tư thục). Khuyến khích phát triển giáo dục mầm non tư thục ở khu vực phát triển. Có khoảng 68.500 trẻ, tăng 7.800 trẻ so với năm 2020 (có khoảng gần 10.000 trẻ ngoài công lập); có ít nhất 30% trẻ mẫu giáo làm quen với ngoại ngữ và 60% trẻ mẫu giáo làm quen với tin học...

b) *Giáo dục phổ thông (TH, THCS, THPT)*: Đến năm 2025, có 185 trường Tiểu học; 02 trường liên cấp MN-TH, 148 trường THCS, 04 trường liên cấp MN-TH-THCS, 40 trường liên cấp TH-THCS; 27 trường THPT; 09 trường liên cấp THCS & THPT (08 trường PTDT nội trú THCS&THPT, 01 trường THCS&THPT); 140 trường PTDT bán trú. Toàn tỉnh có khoảng 182.500 học sinh (khoảng 3.000 HS ngoài công lập), tăng khoảng 24.800 học sinh so với năm 2020.

c) *Giáo dục thường xuyên*: Đến năm 2025, có 10 trung tâm công lập (01 Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh, 09 Trung tâm GNNN-GDTX cấp huyện), có khoảng 11.000 học viên (chưa tính học nghề), trong đó, học chương trình GDTX cấp THPT 4.100 học viên.

1.2. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên giai đoạn 2020-2025.

- Đến năm 2025, có đủ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên, nhân viên; 100% CBQL và trên 90% giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, trên chuẩn đạt từ 50% với cấp mầm non; 0,5% với tiểu học; 1,7% với THCS; 28% với THPT,

GDTX; dự kiến toàn tỉnh có 19.200 người, tăng khoảng 750 người so với năm học 2020 - 2021.

- 80% giáo viên trong nguồn quy hoạch CBQL có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên; 80% cơ sở giáo dục có tổ chức cơ sở đảng; tỷ lệ đảng viên đạt 55%; 100% CBQL, giáo viên phổ thông được bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông mới; 100% CBQL cấp phòng và 40% công chức, viên chức trong diện quy hoạch CBQL cấp phòng được bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng.

- 90% CBQL, giáo viên trở lên đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản, trong đó 30% số CBQL, giáo viên đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT nâng cao.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng toàn diện, chú trọng tự bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo, yêu nghề và năng lực chuyên môn nghiệp vụ; xây dựng và thu hút giáo viên giỏi có năng lực hội nhập, giáo viên, người địa phương.

1.3. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; kiểm định giáo dục; thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Chủ động, tích cực triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới; biên soạn và triển khai tài liệu giáo dục địa phương thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, liên thông, thống nhất giữa các môn học, cấp học.

- Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ về công tác quản lý giáo dục, nội dung, hình thức, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học. Chú trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân; phát huy tính tích cực, chủ động, năng lực sáng tạo của học sinh. Nâng cao chất lượng dạy học môn tin học, ngoại ngữ ở các cơ sở giáo dục.

- Đánh giá, tổng kết và nhân rộng các mô hình trường học, mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp giáo dục, mô hình quản lý giáo dục hiệu quả của giáo dục Lào Cai.

- Nâng cao tiêu chí trường học đạt chuẩn quốc gia (CSVC, đội ngũ, chất lượng giáo dục...), ban hành tiêu chí trường chất lượng cao; xây dựng trường đạt tiêu chuẩn quốc tế; triển khai hiệu quả Đề án dạy và học ngoại ngữ, Đề án Phát triển, nâng cao chất lượng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. Xây dựng phát triển trường THPT Chuyên trở thành trường trọng điểm, hình mẫu các trường THPT, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

1.4. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn

- Triển khai thực hiện Đề án phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú giai đoạn 2020-2025.

- Cùng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. Tiếp tục ưu tiên đầu tư cho các trường này đảm bảo đủ các điều kiện hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Đến năm 2025, có 100% trường PTDT nội trú, 45% trường PTDT bán trú đạt trường chuẩn quốc gia; 15% số học sinh dân tộc thiểu số cấp THCS và THPT được học trong trường PTDT nội trú; 45% số học sinh dân tộc thiểu số trở lên cấp tiểu học và cấp THCS được học tại trường PTDT bán trú; có từ 85% trở lên học sinh đỗ đại học và cao đẳng; học sinh được tư vấn, định hướng chọn đúng nghề theo năng lực bản thân.

- Chuẩn hóa giáo dục vùng cao; nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; tăng cường dạy tiếng Việt cho trẻ em 5 tuổi người dân tộc thiểu số; chuẩn bị các điều kiện cho trẻ em trước khi vào lớp 1; xây dựng và nhân rộng mô hình đặc thù trong trường nội trú, bán trú gắn với hướng nghiệp và dạy nghề.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các trường PTDT nội trú, PTDT bán trú; đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với học sinh dân tộc thiểu số; đảm bảo chất lượng dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc. Chú trọng giáo dục đoàn kết các dân tộc, văn hóa các dân tộc cho học sinh; thực hiện các hoạt động giáo dục đặc thù.

1.5. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh; xây dựng xã hội học tập

- Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài nhà trường để các cấp, các ngành và toàn xã hội nâng cao nhận thức về trách nhiệm và tầm quan trọng của việc phân luồng học sinh sau THCS và THPT; đồng thời giúp các bậc cha, mẹ học sinh và học sinh nhận thức rõ, đúng đắn hơn việc học tập và cơ hội học tập, làm việc là yêu cầu trong quá trình đảm bảo cơ cấu hợp lý nguồn nhân lực xã hội.

- Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, nhất là phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi; phổ cập giáo dục ở 100% xã, phường, thị trấn, 100% cấp huyện. Đến năm 2025, tỷ lệ phổ cập giáo dục THCS 100% xã, phường, thị trấn, đạt trên 90%.

- Thực hiện hướng nghiệp, phân luồng sau THCS; xóa mù chữ mức độ 1, mức độ 2 khoảng 5.000 người trong độ tuổi từ 15-60; nâng tỷ lệ người biết chữ lên 95%; đào tạo nghề cho người lao động, trong đó người biết chữ trong độ tuổi từ 15-35 đạt tỷ lệ 30%.

- Phân đầu 100% trường THCS và THPT có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; đối với các huyện 30a, các xã có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đối với các huyện 30a, các xã có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 30% (trong đó, từ 10-15% học GDTX và học nghề).

- Tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập suốt đời cho người lớn; phân đầu mỗi cán bộ, đảng viên và gia đình cán bộ, đảng viên trở thành đơn vị học tập, công dân học tập và gia đình học tập.

1.6. Đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, công khai, thống nhất; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục

- Thực hiện quy định, trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục theo Nghị định số 127/2018/NĐ-CP của Chính phủ; đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, coi trọng chất lượng, gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và quản lý tài chính.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường phân cấp, phân định rõ công tác quản lý nhà nước với quản trị các cơ sở giáo dục, đào tạo; đặc biệt chú trọng công tác quản trị nội bộ, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, địa phương.

- Xây dựng quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng, sử dụng cán bộ, viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập. Tăng cường hội nhập, đẩy mạnh hợp tác quốc tế; chủ động, tích cực áp dụng phương pháp quản lý giáo dục hiện đại. Xây dựng cơ chế tuyển chọn cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giỏi, chất lượng cao.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan chức năng và đoàn thể nhân dân đối với hoạt động giáo dục. Ngăn chặn, xử lý kịp thời những tiêu cực, hạn chế trong giáo dục; đảm bảo thực chất, công bằng trong kiểm tra, đánh giá xếp loại cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân.

1.7. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT; nâng cao chất lượng dạy, học ngoại ngữ

a) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT:

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Ứng dụng CNTT, đẩy mạnh giáo dục thông minh, giáo dục STEM, giai đoạn 2020-2025”

- Hoàn thiện, phát triển hệ thống thông tin tổng thể và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh; xây dựng môi trường học tập, học trực tuyến, thi trực tuyến.

- Từng bước đầu tư hạ tầng CNTT để đẩy mạnh ứng dụng trong quản lý, dạy và học, đặc biệt việc dạy học trực tuyến trong điều kiện dịch bệnh, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Đến năm 2025, có 49% trường phổ thông trở lên ứng dụng CNTT đạt mức cơ bản (09 trường đạt mức nâng cao); 70% trường mầm non có trẻ em được tiếp cận với Tin học. Đưa nội dung giáo dục kỹ năng số vào 100% trường THCS, THPT vùng thuận lợi; 100% các trường phổ thông có đủ phòng học tin học. Xây dựng 15 lớp học thông minh ở các trường phổ thông, 09 trường điển hình về giáo dục STEM. Triển khai giáo dục STEM tại 100% trường phổ thông.

b) Nâng cao chất lượng dạy, học ngoại ngữ

- Xây dựng và triển khai dự án “Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDTX giai đoạn 2020-2025”.

- Rà soát, đánh giá, xếp loại, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giáo viên để đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng. Xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ, phát động phong trào giáo viên cùng học ngoại ngữ. Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Xây dựng mô hình dạy học tiếng Anh trực tuyến; đa dạng hóa hình thức kết nối với giáo viên bản ngữ để nâng cao kỹ năng nghe, nói.

- Đến năm 2025, có 80/193 trường mầm non làm quen với ngoại ngữ; 100% trường tiểu học (từ lớp 3 đến lớp 5), THCS, THPT học tiếng Anh hệ 10 năm. Học Toán và môn khoa học bằng tiếng Anh: 10 trường THPT, 10 trường THCS, 20 trường tiểu học. Xây dựng 59 trường điển hình về dạy ngoại ngữ. Đào tạo 233 giáo viên, bồi dưỡng để ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn năng lực cấp học. 70% học sinh đạt chuẩn năng lực theo cấp học; các phường ở thành phố, thị trấn huyện và một số vùng phát triển đạt từ 90% trở lên. Chất lượng đại trà ở tất cả các tỉnh miền núi phía Bắc; học sinh giỏi ngang bằng các tỉnh Trung du. Duy trì quy mô tiếng Trung Quốc ở các cấp học. Khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, người lao động.

1.8. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và hiện đại hóa; đảm bảo đủ kinh cho giáo dục, đào tạo

- Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học, ưu tiên đầu tư: xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia (tăng thêm 40 trường); đảm bảo thiết bị dạy học; kiên cố hóa phòng học, cơ bản đủ phòng học bộ môn (432 phòng); nhà đa chức năng...

- Đến năm 2025, tỉnh Lào Cai hoàn thành mục tiêu xóa phòng học xuống cấp (xây dựng 396 phòng học). Đầu tư xây dựng trường PTDT nội trú THCS&THPT huyện Bảo Thắng, trường THPT dân tộc nội trú tỉnh theo hướng hiện đại, chất lượng cao; quy hoạch, đầu tư THPT Chuyên; xây dựng 12 trường chất lượng cao, 01 trường quốc tế; đảm bảo đủ thiết bị dạy học, từng bước đầu tư các thiết bị dạy học tiên tiến, hiện đại. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư các cơ sở giáo dục tư thục.

- Đảm bảo đủ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; biên soạn tài liệu địa phương; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ tốt việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hiện có; rà soát, điều chỉnh các chính sách đã ban hành; ban hành mới các chính sách để phát triển sự nghiệp giáo dục.

1.9. Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác và hội nhập quốc tế

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội tham gia các hoạt động giáo dục.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hội nhập quốc tế. Tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đẩy mạnh hội nhập quốc tế thông qua việc hợp tác với các cơ sở giáo dục hay Trung tâm nghiên cứu ở nước ngoài.

- Chủ động, tích cực trong nghiên cứu, giao lưu, hợp tác; thúc đẩy hội nhập, tiếp thu phương pháp, công nghệ, mô hình giáo dục khoa học, tiên tiến phù hợp để ứng dụng vào quản lý, điều hành, ứng dụng khoa học và công nghệ trong dạy học, hoạt động giáo dục; đồng thời, đẩy mạnh liên kết đào tạo, thu hút, tiếp nhận giáo viên người nước ngoài giảng dạy tại các cơ sở giáo dục.

- Thành lập trường phổ thông quốc tế tại thành phố Lào Cai.

2. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp- phát triển nguồn nhân lực

2.1. Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường, lớp; phát triển quy mô giáo dục, đào tạo, nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai quy hoạch cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tích hợp trong quy hoạch tỉnh Lào Cai) gắn với quy hoạch phát triển KT-XH của tỉnh; khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, quy mô, cơ cấu hợp lý. Khuyến khích thành lập mới 2-3 cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp của doanh nghiệp và có vốn đầu tư nước ngoài.

- Tạo nguồn đào tạo nhân lực chất lượng cao bằng việc nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, chất lượng phổ cập giáo dục; đẩy mạnh hướng nghiệp, nâng cao nhận thức cho học sinh; thực hiện hiệu quả Đề án Dạy và học ngoại ngữ, nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ cho học sinh phổ thông.

- Tổ chức đào tạo tại tỉnh và liên kết các trường Trung ương đào tạo theo chỉ tiêu số lượng, ngành nghề cần đào tạo nhân lực chất lượng cao. Hằng năm, chọn cử những học sinh giỏi, cán bộ trẻ có thành tích xuất sắc đi đào tạo ở nước ngoài.

- Đến năm 2025, có 01 trường cao đẳng, 01 trường trung cấp; 10 trung tâm GDNN; 03 cơ sở có hoạt động GDNN; khoảng 50 trung tâm ngoại ngữ, tin học tư thục, trung tâm ngoại ngữ có vốn đầu tư nước ngoài với khoảng 10.000 học viên.

2.2. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục - đào tạo

- Đến năm 2025, có đủ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên, giảng viên, nhân viên; 28% CBQL và giảng viên có trình độ đào tạo trên chuẩn.

- 15 cán bộ quản lý, giáo viên trường Cao đẳng Lào Cai trong nguồn quy hoạch CBQL có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên; có 34 CBQL các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được bồi dưỡng nghiệp vụ; 100% CBQL cấp phòng và 40% công chức, viên chức trong diện quy hoạch CBQL cấp phòng được bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng.

- 100% CBQL, giáo viên trở lên đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản, trong đó 30% số CBQL, giáo viên đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT nâng cao.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng toàn diện, chú trọng tự bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo, yêu nghề và năng lực chuyên môn nghiệp vụ; xây dựng và thu hút giảng viên giỏi có năng lực hội nhập, giảng viên người địa phương.

2.3. Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; kiểm định giáo dục; biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo các ngành/ngành

- Biên soạn chương trình, giáo dục dạy nghề đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo.

- Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ về công tác quản lý giáo dục, đào tạo, nội dung, hình thức, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học. Chú trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân; phát huy tính tích cực, chủ động, năng lực sáng tạo của sinh viên, học viên.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện công khai, cam kết chất lượng và điều kiện đảm bảo chất lượng. Xây dựng và công bố chuẩn đầu ra của từng cấp học, chương trình và chuyên ngành đào tạo.

- Tăng cường quản lý nhà nước, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là cơ sở ngoài công lập, các chương trình đào tạo không chính quy, có yếu tố hợp tác quốc tế. Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề trọng điểm quốc gia tại Trường Cao đẳng Lào Cai.

2.4. Đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, công khai, thống nhất; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục

- Thực hiện quy định, trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục theo Nghị định số 127/2018/NĐ-CP của Chính phủ; đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, coi trọng chất lượng, gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và quản lý tài chính.

- Chuyển dịch cơ cấu đào tạo các trường chuyên nghiệp theo hướng phù hợp với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu của tỉnh, đa dạng hóa các hình thức đào tạo, tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường phân cấp, phân định rõ công tác quản lý nhà nước với quản trị các cơ sở giáo dục, đào tạo; đặc biệt chú trọng công tác quản trị nội bộ, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, địa phương.

- Xây dựng quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng, sử dụng cán bộ, viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập. Tăng cường hội nhập, đẩy mạnh hợp tác quốc tế; chủ động, tích cực áp dụng phương pháp quản lý giáo dục hiện đại. Xây dựng cơ chế tuyển chọn cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giỏi, chất lượng cao.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan chức năng và đoàn thể nhân dân đối với hoạt động giáo dục. Ngăn chặn, xử lý kịp thời những tiêu cực, hạn chế trong giáo dục; đảm bảo thực chất, công bằng trong kiểm tra, đánh giá xếp loại cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân.

2.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đảm bảo đủ kinh cho đào tạo

- Đầu tư cơ sở vật chất cho 05 trung tâm, gồm: Trung tâm GDNN-GDTX các huyện Bắc Hà, Bảo Yên, thị xã Sa Pa, thành phố Lào Cai và Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX tỉnh. Tập trung đầu tư có trọng tâm, đồng bộ các yếu tố đảm bảo chất lượng đào tạo cho 07 nghề theo cấp trình độ chuẩn quốc gia, khu vực, quốc tế cho Trường Cao đẳng Lào Cai. Phấn đấu đến năm 2022, nghề Điện công nghiệp có thiết bị đào tạo đạt cấp độ quốc tế; nghề Công nghệ ô tô, Du lịch đạt cấp độ khu vực ASEAN.

- Đảm bảo đủ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên; biên soạn tài liệu địa phương. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hiện có; rà soát, điều

chính các chính sách đã ban hành; ban hành mới các chính sách để phát triển giáo dục nghề nghiệp.

2.6. Tập trung nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật cho người lao động, giải quyết việc làm sau đào tạo

- Tập trung đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo hướng đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và thị trường lao động, đặc biệt là nhu cầu nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH của địa phương, gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động phi nông nghiệp, trong đó ưu tiên doanh nghiệp, lao động hoạt động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ. Đảm bảo người lao động sau học nghề có đủ năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và thái độ nghề nghiệp để tham gia hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm có chất lượng cho xã hội; đảm bảo tối thiểu 80% lao động có việc làm sau đào tạo vào năm 2021 và 85% vào năm 2025.

- Hỗ trợ đào tạo trình độ cao về kỹ năng nghề, ngoại ngữ và ngành nghề đặc thù đáp ứng yêu cầu đưa lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế nhằm phát triển thị trường lao động; đẩy mạnh công tác cho vay vốn tạo việc làm từ quỹ quốc gia việc làm, nhất là đối với những lao động sau đào tạo có nhu cầu vay vốn để phát triển kinh tế.

- Nâng cao chất lượng đào tạo các chuyên ngành Đại học, mở rộng hợp tác quốc tế; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên ở Lào Cai.

2.7. Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác và hội nhập quốc tế

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội tham gia các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, phát triển nguồn nhân lực.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hội nhập quốc tế, liên kết đào tạo với nước ngoài và hoạt động tư vấn du học. Tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục, đào tạo đẩy mạnh hội nhập quốc tế thông qua việc hợp tác với các cơ sở giáo dục hay Trung tâm nghiên cứu ở nước ngoài.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế đầu thầu, đặt hàng chỉ tiêu đào tạo nghề từ ngân sách Nhà nước. Xây dựng cơ chế liên kết dạy nghề theo nhu cầu của các doanh nghiệp: Tạo mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài tỉnh hướng tới đào tạo theo nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp trực tiếp hợp đồng đào tạo với cơ sở dạy nghề, kinh phí đào tạo do doanh nghiệp và người học đóng góp, ngân sách tập trung ưu tiên hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc diện chính sách theo quy định chung của Nhà nước.

3. Lĩnh vực khoa học và công nghệ

3.1. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển KT-XH

a) *Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn:* Trọng tâm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN đặc biệt công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào sản xuất đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ thân thiện môi trường, liên kết sản xuất gắn với chế biến, bảo quản các mặt hàng nông - lâm - chăn nuôi, sản xuất hàng hóa theo chuỗi

giá trị đáp ứng nhu cầu thị trường; Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm trong nông, lâm, thủy sản với các nhóm chủ yếu các sản phẩm về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; phân hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, sản phẩm xử lý môi trường, thức ăn chăn nuôi...; sản phẩm sinh học phục vụ bảo quản chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

b) *Về văn hóa xã hội*: Nghiên cứu các vấn đề về lịch sử, truyền thống, văn hóa các dân tộc; bảo tồn và phát huy các loại hình văn hóa phi vật thể; nghiên cứu các giải pháp phát triển du lịch bền vững, đa dạng các sản phẩm du lịch gắn với thương hiệu du lịch Lào Cai, xây dựng nền tảng du lịch thông minh.

c) *Về công nghệ thông tin - truyền thông*: Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng. Tiếp tục vận hành hoàn chỉnh chính quyền điện tử, công dân điện tử, doanh nghiệp điện tử và phát triển thương mại điện tử theo hướng chuyển đổi số; ứng dụng công nghệ GPS/GIS trong quản lý nhà nước và dịch vụ; công nghiệp CNTT trở thành ngành kinh tế có tốc độ phát triển nhanh, bền vững, doanh thu cao, có giá trị xuất khẩu lớn.

d) *Về khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường*: Tập trung nghiên cứu, đánh giá sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý và mang lại hiệu quả. Nghiên cứu, nhận dạng bản chất, nguyên nhân và tác động của thiên tai, quá trình biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất thực hiện các giải pháp hạn chế, phòng ngừa, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường về các chế phẩm xử lý chất thải trong sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; sản phẩm xử lý chất thải y tế; sản phẩm xử lý chất thải trong công nghiệp và sinh hoạt.

e) *Về Giáo dục và đào tạo*: Nghiên cứu các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của tỉnh; giải pháp quản lý, sử dụng hợp lý đội ngũ khoa học của tỉnh, tạo điều kiện phát huy đầy đủ sức lực, trí tuệ, tài năng...đội ngũ trí thức.

f) *Về Y, dược*: Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực y tế, làm chủ được các kỹ thuật tiên tiến trong chuẩn đoán và điều trị bệnh, tật ở người như: mổ nội soi, trị liệu tế bào gốc, ghép tạng, kỹ thuật sinh học phân tử...làm chủ được các công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong phòng các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh. Chú trọng nghiên cứu sản xuất nguyên liệu dược chất phục vụ công nghiệp bào chế thuốc, phát huy ưu thế, tiềm năng về dược liệu và thuốc y học cổ truyền. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong nghiên cứu và sản xuất thuốc từ dược liệu của tỉnh Lào Cai; phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm trong lĩnh vực y dược với các nhóm chủ yếu các sản phẩm về giống dược liệu, hoạt chất từ dược liệu, sản xuất và bảo quản dược liệu; các loại thực phẩm chức năng phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

3.2. Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ

- Xây dựng Trại thực nghiệm vùng cao tại thị xã Sa Pa để làm nơi tiếp nhận những công nghệ sản xuất tiên tiến - công nghệ cao tiến hành thực nghiệm các mô hình sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện sản xuất của các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh; sản xuất một số (giống rau ôn đới, giống dược liệu), sản xuất

hoa công nghệ cao; làm cơ sở chuyển giao và huấn luyện kỹ năng thực hành các kỹ thuật sản xuất ứng dụng công nghệ cao cho các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến: hình thành và phát triển thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh, có vai trò trung gian giúp doanh nghiệp tìm kiếm thông tin, tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật; gắn kết việc nghiên cứu với các hoạt động chuyển giao công nghệ giữa các doanh nghiệp với các nhà khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước.

3.3. Hỗ trợ khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

Hỗ trợ xây dựng, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm đặc trưng, đặc hữu mang địa danh của tỉnh. Hỗ trợ khai thác và áp dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp vào thực tiễn. Hỗ trợ khai thác phát triển và thương mại hóa tài sản trí tuệ đã được bảo hộ. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin pháp luật và đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ.

3.4. Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp

a) *Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*: Phối hợp với Đại học Thái Nguyên thành lập Trung tâm “Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai” đặt tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai, sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có và nguồn nhân lực quản lý kiêm nhiệm, cụ thể:

- Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về đào tạo, nâng cao năng lực cho khởi nghiệp; tổ chức sự kiện, ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo...

- Tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung; hỗ trợ cơ sở ươm tạo khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học công nghệ tổ chức thúc đẩy kinh doanh và kết nối mạng lưới khởi nghiệp trong nước và khu vực.

- Thúc đẩy liên kết với các nhà đầu tư mạo hiểm, các Quỹ đầu tư khởi nghiệp trong nước và quốc tế để thu hút và huy động nguồn lực để hỗ trợ cho sự phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Hỗ trợ triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học có sự tham gia của sinh viên của các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh, của các doanh nghiệp sản xuất để thành lập từ 2 cơ sở ươm tạo khoa học công nghệ.

- Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khoa học công nghệ có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

b) Hỗ trợ đổi mới công nghệ:

- Tổ chức đánh giá trình độ, năng lực công nghệ cho 50 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tập trung chủ yếu tại khu công nghiệp Tăng Loỏng: tính toán hệ số mức độ đồng bộ của trình độ và năng lực công nghệ sản xuất; phân loại trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp theo các mức căn cứ trên tổng số điểm các thành phần trình độ và năng lực công nghệ sản xuất đạt được và hệ số mức độ đồng bộ của trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ công nghệ cho 10 doanh nghiệp: sau khi tổ chức đánh giá trình độ và năng lực công nghệ, sẽ lựa chọn xác định phân loại các nhóm doanh nghiệp, nhóm ngành sản xuất, hướng dẫn xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ, cải tiến máy móc thiết bị; hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao mức độ an toàn trong sản xuất, thân thiện với môi trường...

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng: Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân; đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, phải được ưu tiên đi trước; khoa học kỹ thuật là then chốt. Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng và phải được phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn dân để đổi mới, phát triển giáo dục, đào tạo, KH&CN.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp sự nghiệp giáo dục - giáo dục nghề nghiệp - khoa học công nghệ. Nâng cao nhận thức và hành động, đề ra chủ trương đúng, trúng, ưu tiên nguồn lực đầu tư, chính sách cho sự nghiệp giáo dục - giáo dục nghề nghiệp - khoa học công nghệ.

- Đẩy mạnh giáo dục lý tưởng cách mạng, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phát huy vai trò của các đoàn thể nhân dân, Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội Khuyến học...

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận thực hiện đổi mới giáo dục. Đẩy mạnh tuyên truyền đến từng tổ chức và người sản xuất nhằm ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Đổi mới công tác quản lý, nâng cao vai trò tham mưu của ngành Giáo dục và Đào tạo-Lao động-Khoa học và Công nghệ

- Tăng cường kỷ cương, nền nếp thực hiện dân chủ hoá, công khai hoá trong các cơ sở giáo dục - đào tạo; đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước về KH&CN.

- Xác định trách nhiệm, vai trò người đứng đầu ngành Giáo dục - Lao động - Khoa học của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở giáo dục - đào tạo, trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm hàng hóa, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

- Phát huy vai trò nòng cốt chủ động, tích cực của ngành Giáo dục - Lao động- Khoa học trong công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, lực lượng xã hội trong tổ chức thực hiện.

3. Nâng cao chất lượng CBQL, giáo viên, giảng viên, cán bộ khoa học

- Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ khoa học tâm huyết, trách nhiệm. Chú trọng bồi dưỡng đào tạo, đào tạo lại, đặc biệt là công tác tự bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng.

- Có cơ chế chính sách phù hợp để sử dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật; thu hút cán bộ trẻ, các chuyên gia giỏi đến công tác tại Lào Cai.
- Tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế gắn với đào tạo, bồi dưỡng CBQL, giáo viên, giảng viên, cán bộ khoa học giỏi.
- Xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ Tiến sỹ, giáo viên thực hành có tay nghề cao; đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo.

4. Huy động mọi nguồn lực, xây dựng các cơ chế chính sách

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục; thực hiện tốt cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp, xã hội đầu tư giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ; thu hút các nguồn lực quốc tế thông qua hợp tác, liên kết đào tạo.
- Chủ động, tích cực hội nhập; đẩy mạnh hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục; tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao.
- Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục theo hướng tiếp cận các chuẩn tiên tiến quốc tế. Triển khai hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
- Thực hiện tốt việc lồng ghép các chính sách phát triển khoa học và công nghệ với các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách địa phương đã ban hành thời gian qua. Đề xuất xây dựng các cơ chế chính sách mới.
- Thực hiện tự chủ toàn diện; chuyển đổi các cơ sở đào tạo công lập đủ điều kiện sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; từng bước chuyển sang cơ chế tự bảo đảm hoàn toàn về tài chính, tổ chức nhân sự và thực hiện nhiệm vụ đối với các cơ sở đào tạo công lập đào tạo những ngành nghề có khả năng xã hội hóa cao trên cơ sở Nhà nước thực hiện lộ trình bảo đảm kinh phí hoạt động có thời hạn.

5. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

- Tăng cường liên kết với các cơ quan khoa học và công nghệ của Trung ương và các tỉnh; đồng thời, mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục nghề nghiệp.
- Xây dựng Trường Cao đẳng Lào Cai và phối hợp với Đại học Thái Nguyên xây dựng Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai trở thành những cơ sở giáo dục chất lượng cao, là những trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ chất lượng cao với các ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh, khu vực và một số nước.
- Đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực: khuyến khích phát triển các cơ sở đào tạo có chất lượng cao; tăng cường hợp tác quốc tế, chọn cử người đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài và mời chuyên gia, giảng viên giỏi quốc tế đến làm việc, tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại Lào Cai. Bồi dưỡng trực tuyến giáo viên với một số chuyên gia các nước phát triển khu vực; hằng năm thu hút nhiều tình nguyện viên quốc tế đến Lào Cai.

6. Xây dựng và nhân rộng các mô hình giáo dục đặc thù để nâng cao chất lượng giáo dục

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình giáo dục gắn với triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp; thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu để tạo nguồn đào tạo nhân lực chất lượng cao.

- Xây dựng mô hình trường phổ thông dân tộc bán trú, trường có học sinh bán trú điển hình tiên tiến ở mỗi cấp học; trường học thông minh, giáo dục STEM.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, bảo đảm quy mô, cơ cấu hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo (đa ngành, chuyên ngành), chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng.

- Tổng kết, đánh giá các mô hình giáo dục, mô hình quản lý giáo dục hiệu quả để nhân rộng toàn tỉnh. Nghiên cứu xây dựng các mô hình giáo dục đặc thù mới phù hợp với giáo dục vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

- Đổi mới cơ chế quản lý KH&CN của Tỉnh; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội từng ngành và từng cấp; tăng cường công tác thông tin - truyền thông về KH&CN, phối hợp giữa các ngành trong thực thi chính sách phát triển khoa học và công nghệ, mở rộng liên kết và hợp tác về KH&CN.

7. Tăng cường nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và việc làm bền vững

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Phát huy vai trò của các đơn vị sử dụng lao động, người sử dụng lao động, hiệp hội nghề nghiệp trong đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Hình thành mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm nhằm hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp. Chú trọng phát triển tinh thần khởi nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp.

- Chuyển đào tạo giáo dục nghề nghiệp từ đào tạo theo năng lực sẵn có của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sang đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động và xã hội; gắn đào tạo giáo dục nghề nghiệp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của từng lĩnh vực, của từng địa phương, của các doanh nghiệp và với nhu cầu việc làm của người lao động; xây dựng các cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp tăng cường phối hợp với các cơ sở giáo dục trong quá trình đào tạo lao động để sản phẩm sau đào tạo đáp ứng và thích nghi ngay với môi trường làm việc của doanh nghiệp.

- Phân đầu đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc chuyên nghiệp, nhận thức đúng về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để luôn đảm bảo được vị trí trên thị trường lao động; tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua việc lựa chọn, chọn cử người học, người lao động có tay nghề đi bồi dưỡng nâng cao tại các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp chất lượng cao trong và ngoài nước.

- Tập trung đầu tư đồng bộ hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị và công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu về chương trình đào tạo, phù hợp, tương thích với chương trình đào tạo và tương thích với các công nghệ trong sản xuất,

đặc biệt đối với 7 nghề trọng điểm đã được phê duyệt đầu tư. Để đáp ứng những yêu cầu này, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần tích cực gắn kết với doanh nghiệp, đào tạo một phần tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp và rèn luyện kỹ năng sản xuất tại doanh nghiệp, để các em học sinh sinh viên có thể hoàn thiện được những kỹ năng nghề nghiệp ngay sau khi tốt nghiệp.

- Đẩy mạnh việc thu hút, đào tạo, bồi dưỡng kỹ sư, cử nhân, nghệ nhân, người có kỹ năng nghề cao đã làm việc tại doanh nghiệp về kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm trở thành nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Tăng cường đào tạo tiếng Anh cho các nhà giáo dạy các chương trình ASEAN, quốc tế. Huy động, khuyến khích các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tham gia đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giáo viên bằng hình thức tiếp nhận họ đến thực tập tại doanh nghiệp để cập nhật, nâng cao kỹ năng thực hành nghề, tiếp cận công nghệ mới.... Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa để hình thành đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp chuyên nghiệp.

- Nâng cao chất lượng hoạt động dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu làm việc và nhu cầu đào tạo theo lĩnh vực, ngành nghề, cấp trình độ đào tạo; hình thành cơ sở dữ liệu về cung cầu thị trường lao động. Thường xuyên cập nhật đầy đủ các thông tin nhu cầu thị trường lao động trong tỉnh, trong nước và ngoài nước đến các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, người lao động biết đăng ký học nghề và lựa chọn đăng ký làm việc.

- Tăng cường trách nhiệm các doanh nghiệp về thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với các cơ quan chức năng quản lý nhà nước và phối hợp tổ chức dự báo nhu cầu nhân lực, nhu cầu tuyển dụng lao động, theo số lượng và cơ cấu ngành nghề sử dụng lao động ngắn hạn và dài hạn..

8. Đẩy mạnh tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn với trách nhiệm giải trình, cơ chế đánh giá độc lập, sự kiểm soát của nhà nước, giám sát của xã hội

Thực hiện tự chủ toàn diện; chuyển đổi hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đủ điều kiện sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán như doanh nghiệp; kiên quyết chuyển sang cơ chế tự bảo đảm hoàn toàn về tài chính, tổ chức nhân sự và thực hiện nhiệm vụ đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đào tạo những ngành nghề có khả năng xã hội hóa cao trên cơ sở Nhà nước thực hiện lộ trình bảo đảm kinh phí hoạt động có thời hạn.

9. Cải tiến và tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành về phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh

- Các cấp, các ngành phải xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, người lao động theo từng năm, giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh và đáp ứng được với thời kỳ công nghiệp 4.0.

- Tăng cường kiểm tra, đánh giá trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị về xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, người lao động theo từng năm và giai đoạn 5 năm. Công tác tổ chức triển khai đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đáp ứng theo vị trí việc làm; các cơ sở

đào tạo, các đơn vị được giao chỉ tiêu đào tạo hàng năm phải đánh giá chất lượng đào tạo, tỷ lệ lao động có việc làm sau khi đào tạo.

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án: Khoảng 3.140 tỷ đồng, trong đó: Phát triển giáo dục: 1.973 tỷ đồng; nguồn nhân lực: 874 tỷ đồng; KH&CN: 293 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn:

- Vốn ngân sách: 2.581 tỷ đồng.
- Vốn nhân dân đóng góp: 301 tỷ đồng.
- Vốn khác: 258 tỷ đồng.

V. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

- Quý mô, mạng lưới trường, lớp học phát triển phù hợp; cơ sở vật chất thiết bị dạy học được tăng cường đầu tư; tạo cơ hội học tập cho mọi người dân. Chuẩn hóa giáo dục vùng cao. Củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và hiệu quả giáo dục - đào tạo, từng bước tiếp cận với giáo dục vùng phát triển của đất nước và một số nước trong khu vực.

- Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, khai thác các tiềm năng, thế mạnh của mỗi địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp cận, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất đời sống tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa trên thị trường, bảo vệ môi trường góp phần phát triển KT-XH.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trực tiếp, thường xuyên là Thường trực Tỉnh ủy chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, kiểm tra, giám sát, thực hiện Đề án.

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cụ thể Đề án qua các đề án thành phần, kế hoạch hằng năm và cả giai đoạn bảo đảm mục tiêu Đề án và phù hợp với từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Cấp ủy đảng các cấp tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt; tăng cường lãnh đạo, phát huy vai trò, trách nhiệm của đồng chí bí thư cấp ủy, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong việc triển khai thực hiện Đề án này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp có kế hoạch thường xuyên giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án, báo cáo cấp ủy cùng cấp. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy về tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền và định hướng các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh tuyên truyền sâu rộng nội dung, nhiệm vụ, mục đích Đề án, tạo sự chuyển biến rõ rệt cả về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên, Nhân dân.

III. CHẾ ĐỘ HƯỚNG DẪN, ĐƠN ĐỐC, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, THÔNG TIN, BÁO CÁO, SƠ KẾT, TỔNG KẾT

Các ban xây dựng Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy chủ động tham mưu, đơn đốc triển khai thực hiện Đề án. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu giúp Ban cán sự Đảng UBND tỉnh định kỳ hằng năm, giữa và cuối nhiệm kỳ đánh giá, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Đề án với Tỉnh ủy; chủ động đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế, bảo đảm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị,
- Ban Bí thư TW Đảng,
- Văn phòng TW Đảng,
- Các ban Đảng TW,
- Các Bộ: GD&ĐT; LĐTB-XH; KH&CN,
- Đảng ủy Quân khu II,
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh,
- Các Ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy,
- Các Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy,
- Chuyên viên TH, VPTU,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY

BÍ THƯ



Đặng Xuân Phong

MỤC TIÊU ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Kèm theo Đề án số 06- ĐA /TU ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tỉnh ủy Lào Cai)

STT	Nội dung	Đơn vị	Mục tiêu NQĐH XVI	Mục tiêu Đề án	Ước thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021	Mục tiêu năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Mục tiêu năm 2024	Mục tiêu năm 2025	MT năm 2025 so năm 2020	Ghi chú
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC											
1	Hoàn chỉnh mạng lưới trường, lớp học và quy mô giáo dục hợp lý	Trường	-	614	612	614	614	614	614	614	100.33	
	- Tổng số trường mầm non	Trường		195	193	195	195	195	195	195	101.	
	- Tổng số trường TH	Trường		185	185	185	185	185	185	185	100.	
	- Tổng số trường THCS	Trường		188	188	188	188	188	188	188	100.	
	- Tổng số trường THPT	Trường		36	36	36	36	36	36	36	100.	
	- Tổng số trung tâm GDNN-GDTX	Trung tâm		10	10	10	10	10	10	10	100.	
2	Phát triển hệ thống trường PTDT nội trú, trường PTDT bán trú	Trường	-	149	145	149	149	149	149	149	103.	
	- Tổng số trường PTDT Nội trú	Trường		9	9	9	9	9	9	9	100.	
	- Tổng số trường PTDT Bán trú	Trường		140	136	140	140	140	140	140	103.	
3	Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp											
	- Tỷ lệ huy động trẻ 0-2 tuổi	%		35	30	31	32	33	34	35	117.	
	- Tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi	%		98	97	98	98	98	98	98	101.	
	- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi	%		99.9	99.9	99.9	99.9	99.9	99.9	99.9	100.	
	- Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1	%		99.9	99.9	99.9	99.9	99.9	99.9	99.9	100.	
	- Tỷ lệ huy động trẻ 6-14 tuổi	%		99.7	99.7	99.7	99.7	99.7	99.7	99.7	100.	
	- Huy động học sinh HTCTTH vào học lớp 6	%		100	100	100	100	100	100	100	100.	
	- Huy động học sinh tốt nghiệp THCS học lên THPT, học nghề	%		80	80	80	80	80	80	80	100.	
	- Người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được tham gia giáo dục hòa nhập	%		70	70	70	70	70	70	70	100.	
4	Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ											
4.1	Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo:											
	Giáo viên mầm non	%		8.5	34.00	35.5	40.0	50.0	60	70.0	25	
	Giáo viên tiểu học	%		8.5	0.06	1.0	2.5	4.5	6.5	8.5	14,167	

[illegible]

STT	Nội dung	Đơn vị	Mục tiêu NQĐH XVI	Mục tiêu Đề án	Ước thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021	Mục tiêu năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Mục tiêu năm 2024	Mục tiêu năm 2025	MT năm 2025 so năm 2020	Ghi chú
	- Tỷ lệ trường MN đủ thiết bị dạy học tối thiểu và đồ dùng, đồ chơi ngoài trời	%		100	80	85	90	95	97	100	125.	
	- Tỷ lệ trường TH có đủ thiết bị dạy học tối thiểu	%		100	50	70	80	90	100	100	200.	
	- Tỷ lệ trường THCS có đủ thiết bị dạy học tối thiểu	%		100	65	75	85	90	95	100	154.	
	- Tỷ lệ trường THPT có đủ thiết bị dạy học tối thiểu	%		100	85	90	93	97	99	100	118.	
9.4	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	68	72	62.5	63.9	65.9	67.2	67.4	72.0	115.	
	- Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	-	411	376	386	398	406	407	435	109.	
	Trong đó: - Trường MN	Trường		123	110	115	120	122	122	132	112.	
	- Trường TH	Trường		155	153	153	153	155	155	161	101.	
	- Trường THCS	Trường		113	100	105	110	112	112	122	113.	
	- Trường THPT	Trường		20	13	13	15	17	18	20	154.	
9.5	Số trường chất lượng cao	Trường		3	-	1	2	3	3	3		
II	NGUỒN NHÂN LỰC											
1	Tổng số tuyển mới; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao	Người		58,000	17,250	10,500	11,000	11,500	12,000	13,000	336.	
1.1	Cao đẳng	Người		6,450	1080	950	1150	1250	1450	1650	597	
1.2	Trung cấp	Người		16,570	3270	2270	2700	3250	3750	4600	507	
1.3	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên			34,980	12900	7280	7150	7000	6800	6750	271	
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo			70	65	66	67	68	69	70	108	
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ			32	26	27	28	29	31	32	123	
4	Thạc sỹ, tiến sỹ			650	260	120	150	170	100	650	250	
III	LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ											
1	Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN để phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn Tỉnh	Đề tài/ dự án	105	105		21	42	63	84	105	100	
2	Xây dựng Sàn giao dịch điện tử về công nghệ và thiết bị	Sàn giao dịch	1	1						1	100	

STT	Nội dung	Đơn vị	Mục tiêu NQĐH XVI	Mục tiêu Đề án	Ước thực hiện năm 2020	Mục tiêu năm 2021	Mục tiêu năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Mục tiêu năm 2024	Mục tiêu năm 2025	MT năm 2025 so năm 2020	Ghi chú
3	Đầu tư và xây dựng trại thực nghiệm vùng cao tại Sa Pa, với quy mô trên 5 ha	Trại thực nghiệm	Trại thực nghiệm	Trại thực nghiệm		Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	100	
4	Hỗ trợ khai thác và phát triển tài sản sở hữu trí tuệ										100	
4.1	Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ cho 10 sản phẩm	10 sản phẩm	10	10		2	4	3	1		100	
4.2	Phát triển và thương mại hóa 03 tài sản trí tuệ	Tài sản	3	3			1	1	1		100	
5	Thành lập Trung tâm Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh Lào Cai	Trung tâm									100	
5.1	Hình thành 02 cơ sở ươm tạo công nghệ	Cơ sở	2	2					1	1	100	
5.2	Hình thành 05 doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp	5	5							100	
5.3	Thành lập trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh	Trung tâm	1	1						1	100	
6	Hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Dự án										
6.1	Đánh giá trình độ công nghệ 50 doanh nghiệp	Doanh nghiệp	50	50		10	10	10	10	10	100	
6.2	Hỗ trợ về công nghệ cho 10 doanh nghiệp	Doanh nghiệp	10	10		2	2	2	2	2	100	

TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2020 - 2025
(Kèm theo Đề án số 06- ĐA /TU ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tỉnh ủy Lào Cai)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	3,140	638	796	694	560	451	
1	Giáo dục	1,973	405	545	455	333	235	
2	Nguồn nhân lực	874	165	187	179	176	168	
3	Khoa học và Công nghệ	293	68	64	60	52	49	

CHI TIẾT NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2020 - 2025
(Kèm theo đề án số 06- ĐA /TU ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tỉnh ủy Lào Cai)

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Nhu cầu vốn giai đoạn 2020- 2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	3,140	638	796	694	560	451	
A	GIÁO DỤC	1,973	405	545	455	333	235	
1	Đề án: Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2020-2025	201	50	50	40	35	26	
2	Đề án: Dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục Mầm non, Phổ thông, GDTX tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025	213	55	55	40	37	26	
3	Đề án: Ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh giáo dục thông minh, giáo dục STEM, giai đoạn 2020-2025	177	40	40	35	35	27	
4	Đề án: Phát triển, nâng cao chất lượng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú giai đoạn 2020-2025	200	50	50	40	35	25	
5	Đề án: Phát triển trường Trung học phổ thông chuyên tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 (Hiện nay, đang xây dựng Đề án theo chỉ đạo của UBND tỉnh)	41	10	10	10	6	5	
6	Đề án: Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025 (UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án tại QĐ số 2567/QĐ-UBND ngày 19/8/2019)	Kinh phí thực hiện hằng năm được lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2025						
7	Kế hoạch xây dựng phòng học, phòng học bộ môn đảm bảo dạy học, thực hiện Chương trình giáo dục thông giai đoạn 2020-2025; trường THPT dân tộc nội trú tỉnh và trường PTDT nội trú THCS&THPT Bảo Thắng	909	150	250	250	155	104	
8	Kế hoạch triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai	232	50	90	40	30	22	
B	NGUỒN NHÂN LỰC	874	165	187	179	176	168	
I	Đào tạo nguồn nhân lực	175	25	45	40	35	30	
II	Đầu tư nâng cao năng lực đào tạo	294	71	67	58	52	47	
1	Đầu tư xây dựng cơ bản (Công lập)	<i>135.0</i>	<i>40.0</i>	<i>35.0</i>	<i>25.0</i>	<i>20.0</i>	<i>15.0</i>	

TT	Nội dung	Nhu cầu vốn giai đoạn 2020- 2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
2	Mua sắm thiết bị (Công lập)	155.0	30.0	31.0	32.0	31.0	31.0	
3	Đào tạo bồi dưỡng giáo viên	1.5	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3	
4	Xây dựng chương trình, giáo trình; Kiểm định chất lượng và ứng dụng công nghệ thông tin	2.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	
II	Đầu tư nguồn lực đào tạo nhân lực chất lượng cao cho trường Cao đẳng Lào Cai	48.5	9.7	9.7	9.7	9.7	9.7	
1	Bổ sung tài liệu, chương trình, giáo trình	35.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	
2	Vật liệu thực hành, thực tập hàng ngày	12.0	2.4	2.4	2.4	2.4	2.4	
3	Tổ chức thực hành, thực tập	1.5	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3	
III	Đẩy mạnh công tác giám sát, đánh giá, nâng cao tuyên truyền tư vấn và giải quyết việc làm sau đào tạo	6.5	1.3	1.3	1.3	1.3	1.3	
IV	Kinh phí đào tạo	350	58	64	70	78	80	
1	Lao động nông thôn	225	37	41	45	51	51	
	- Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng	80	16	16	16	16	16	
	- Trung cấp	85	13	15	17	20	20	
	- Cao đẳng	60	8	10	12	15	15	
2	Lao động khác (người học đóng góp)	125	21	23	25	27	29	
C	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	293	68	64	60	52	49	
1	Dự án: Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN để phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn Tỉnh	200	40	40	40	40	40	
2	Dự án: Xây dựng Sàn giao dịch điện tử về công nghệ và thiết bị	4	1	2	1	1	1	Triển khai từ năm 2021-2025
3	Dự án: Đầu tư và xây dựng trại thực nghiệm vùng cao tại Sa Pa	45	21	13	11			
4	Dự án: Hỗ trợ khai thác và phát triển tài sản sở hữu trí tuệ	13	2	5	4	2	0	

[illegible]

TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2020-2025 (Chia theo nguồn vốn)
(Kèm theo Đề án số 06 - ĐA /TU ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tỉnh ủy Lào Cai)

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Tổng số	Vốn ngân sách									Vốn đầu tư của các DN		Vốn nhân dân đóng góp	Vốn khác	Ghi chú
			Tổng số	Vốn đầu tư NSDP	Vốn Sự nghiệp NSDP	Vốn CTMTQG	NSTW hỗ trợ có mục tiêu	Vốn ODA	Vốn đầu tư qua Bộ, ngành TW	Vốn TPCP	Ngân sách cấp huyện	Vốn tự có của DN	Vốn vay (tín dụng)			
	TỔNG SỐ	3,140	2,581	425	1,234	188	507	55	20	0	152	0	0	301	258	
1	Giáo dục	1973	1685	267	859	120	232	55	0	0	152	0	0	136	152	
2	Nguồn nhân lực	874	684	100	221	68	275	0	20	0		0	0	165	25	
3	Khoa học và Công nghệ	293	212	58	154	0	0	0	0	0		0	0	0	81	

END END END END END

ĐVT: Tỷ đồng

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Tổng số	Vốn ngân sách									Vốn đầu tư của các DN		Vốn nhân dân đóng góp	Vốn khác	Ghi chú
			Tổng số	Vốn đầu tư NSDP	Vốn Sự nghiệp NSDP	Vốn CTMTQG	NSTW hỗ trợ có mục tiêu	Vốn ODA	Vốn đầu tư qua Bộ, ngành TW	Vốn TPCP	Ngân sách cấp huyện	Vốn tự có của DN	Vốn vay (tín dụng)			
7	Kế hoạch xây dựng phòng học, phòng học bộ môn đảm bảo dạy học, thực hiện Chương trình giáo dục thông giai đoạn 2020-2025; trường THPT dân tộc nội trú tỉnh và trường PTDT nội trú THCS&THPT Bảo Thắng	909	859	125	582						152				50	
8	Kế hoạch triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai	232	192		70	40	47	35						20	20	
B	NGUỒN NHÂN LỰC	874	684	100	221	68	275	0	20	0	0	0	0	165	25	
I	Đào tạo nguồn nhân	175	110		65	45								40	25	
II	Đầu tư nâng cao năng lực đào tạo	293.5	293.5	100.0	75.5	18.0	80.0	0.0	20.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	
1	Đầu tư xây dựng cơ bản (Công lập)	135.0	135.0	100.0		5.0	10.0		20.0							
2	Mua sắm thiết bị (Công lập)	154.5	154.5		75.0	10.0	69.5									
	Trong đó: Trường Cao đẳng Lào Cai	145	145		75		70									
3	Đào tạo bồi dưỡng giáo viên	1.5	1.5		0.5	1.0										
4	Xây dựng chương trình, giáo trình; Kiểm định chất lượng và ứng dụng công nghệ thông tin	2.5	2.5			2.0	0.5									
III	Đầu tư nguồn lực đào tạo nhân lực chất lượng cao cho trường Cao đẳng Lào Cai	48.5	48.5	0.0	48.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Tổng số	Vốn ngân sách									Vốn đầu tư của các DN		Vốn nhân dân đóng góp	Vốn khác	Ghi chú
			Tổng số	Vốn đầu tư NSDP	Vốn Sự nghiệp NSDP	Vốn CTMTQG	NSTW hỗ trợ có mục tiêu	Vốn ODA	Vốn đầu tư qua Bộ, ngành TW	Vốn TPCP	Ngân sách cấp huyện	Vốn tự có của DN	Vốn vay (tín dụng)			
4.2	Phát triển và thương mại hóa 03 tài sản trí tuệ	4	4		4									0		
5	Đề án: Thành lập Trung tâm Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh Lào Cai	21	21	13	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
5.1	Hình thành 02 cơ sở ươm tạo công nghệ	8	8		8											
5.2	Hình thành 5 doanh nghiệp KH&CN	0	0													
5.3	Thành lập trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh	13	13	13												
6	Đề án: Hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai	10	10	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
5.1	Đánh giá trình độ công nghệ 50 doanh nghiệp	10	10		10											
5.2	Hỗ trợ về công nghệ cho 10 doanh nghiệp															